



Máy phun tưới cỏ Multi Pro® 5800 và 5800-G

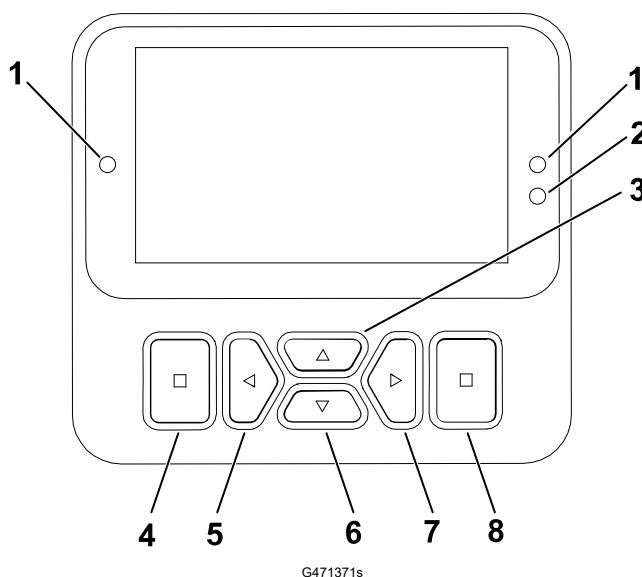
Kiểu model số 41394—419000000 và Lên

Kiểu model số 41394GK—419000000 và Lên

Hướng dẫn Phần mềm

Tổng quan về màn hình InfoCenter

Màn hình InfoCenter hiển thị thông tin về máy của bạn, chẳng hạn như trạng thái hoạt động, các chẩn đoán khác nhau và thông tin khác về máy. Có nhiều màn chiếu trên màn hình. Bạn có thể chuyển đổi giữa các màn chiếu bất kỳ lúc nào bằng cách nhấn nút quay lại rồi sử dụng các nút hướng lên và xuống.



- ① Đèn chỉ báo
② Cảm biến độ sáng màn hình

- ③ Nút điều hướng —lên
④ Nút quay lại

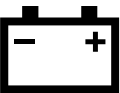
- ⑤ Nút điều hướng —giảm/trái
⑥ Nút điều hướng —xuống

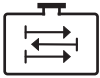
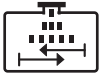
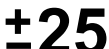
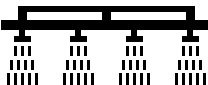
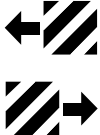
- ⑦ Nút điều hướng —tăng/phải
⑧ Nút Enter

Lưu ý: Mục đích của mỗi nút có thể thay đổi tùy thuộc vào nội dung được yêu cầu tại thời điểm đó. Mỗi nút được gắn nhãn với một biểu tượng hiển thị chức năng hiện tại của nút.



Hiển thị biểu tượng

	Menu
	Đã khóa
	Cuộn lên/xuống
	Cuộn sang trái/phải
	Màn hình trước đó
	Giảm giá trị
	Tăng giá trị
	Chấp nhận
	Lưu
	Mã truyền PIN
	Thoát menu (lỗi)
	Điện áp ắc quy
	Phanh đỗ được bật.
	Ngồi vào ghế.
	Đồng hồ đo giờ

	Bình đã cạn (dưới 10% thể tích)
	Chỉ số bình rửa
	Chỉ số khuấy trộn
	Chỉ số rửa và khuấy trộn
	Chỉ số bình thấp. Biểu tượng bình sẽ xuất hiện ở giữa 2 biểu tượng này.
	Tăng thể tích bình thêm 1 gallon
	Tăng thể tích bình thêm 10 gallon
	Tăng thể tích bình thêm 25 Lit
	Giàn đã tắt
	Giàn đang hoạt động
	Xóa tất cả các diện tích
	Xóa diện tích đang hoạt động
	Diện tích được phun tưới
	Tắt cả các màn hình khu vực
	Điều hướng đến khu vực phun tưới

Tổng quan về Menu

Để truy cập hệ thống menu InfoCenter, hãy nhấn nút quay lại khi đang ở màn hình chính. Thao tác này đưa bạn đến menu chính. Tham khảo bảng sau đây về tóm lược các tùy chọn có sẵn trong các menu.

 Được bảo vệ trong các Menu được bảo vệ—chỉ có thể truy cập bằng cách nhập mã PIN

Menu Chính

Mục trong Menu	Mô tả
Đặt tỷ lệ	Đặt tỷ lệ cài đặt trước và tỷ lệ tăng.
Cài đặt	Tùy chỉnh và sửa đổi các biến cấu hình hiển thị.
Cài đặt máy	Tạo cấu hình các biến máy.
Hiệu chuẩn 	Hỗ trợ hiệu chuẩn đồng hồ đo lưu lượng và cảm biến tốc độ.
Chức năng vận hành	Chứa thông tin về máy như giờ sử dụng và lỗi máy.
Chẩn đoán	Hiển thị trạng thái của từng công tắc máy, cảm biến và đầu ra điều khiển. Bạn có thể sử dụng thông tin này để khắc phục một số sự cố nhất định vì nó nhanh chóng cho bạn biết nút điều khiển nào của máy đang bật và đang tắt.
Giới thiệu	Liệt kê số kiểu model, số sê-ri và phiên bản phần mềm của máy bạn.

Đặt tỷ lệ

Mục trong Menu	Mô tả
Tỷ lệ đang hoạt động	Hiển thị tỷ lệ hiện đang được sử dụng.
Tỷ lệ 1	Đặt tỷ lệ cài đặt trước.
Tỷ lệ 2	Đặt tỷ lệ cài đặt trước.
Tăng	Đặt tỷ lệ phần trăm cần được thêm vào tỷ lệ đang hoạt động.

Cài đặt

Mục trong Menu	Mô tả
Nhập PIN	Cho phép một người (quản đốc/thợ máy) được công ty của bạn ủy quyền có mã PIN truy cập các menu được bảo vệ.
Cài đặt Bảo vệ 	Cho phép khả năng thay đổi cài đặt trong cài đặt được bảo vệ.
Đặt lại Mặc định 	Đặt lại các giá trị mặc định.

Cài đặt (tiếp tục)

Mục trong Menu	Mô tả
Đèn nền	Điều khiển độ sáng của màn hình LCD.
Ngôn ngữ	Điều khiển ngôn ngữ được sử dụng trên màn hình.
Đơn vị	Điều khiển các đơn vị được sử dụng trên màn hình (hệ Anh, hệ đo sân cỏ hoặc hệ mét).

Cài đặt máy

Mục trong Menu	Mô tả
Bình	Đặt thể tích bình, cảnh báo bình thấp và giá trị khuấy trộn cài đặt trước.
Giá phun	Điều chỉnh chiều rộng giàn.
Geolink	Tùy chọn điều hướng vệ tinh.
Đặt lại	Đặt lại các giá trị máy.

Hiệu chuẩn

Mục trong Menu	Mô tả
Hiệu chuẩn Dòng chảy	Hiệu chuẩn đồng hồ đo lưu lượng.
Hiệu chuẩn Tốc độ	Hiệu chuẩn cảm biến tốc độ.
Tốc độ Kiểm tra	Đặt tốc độ kiểm tra để hiệu chuẩn.
Mục nhập hiệu chuẩn thủ công	Nhập hiệu chuẩn thủ công.
Sử dụng hiệu chuẩn lưu lượng mặc định?	Đặt lại hiệu chuẩn lưu lượng thành giá trị trung bình mặc định tính toán, không phải dung tích thực tế.
Sử dụng hiệu chuẩn tốc độ mặc định?	Đặt lại hiệu chuẩn tốc độ thành giá trị trung bình mặc định tính toán, không phải tốc độ thực tế.

Chức năng vận hành

Mục trong Menu	Mô tả
Giờ	Liệt kê tổng số giờ mà máy móc, động cơ và PTO đã hoạt động, cũng như số giờ mà máy móc đã được vận chuyển và dịch vụ đến hạn.
Tỷ lệ lưu lượng 	Hiển thị lưu lượng hiện tại.

Chẩn đoán

Mục trong Menu	Mô tả
Máy bơm	Truy cập vào các dữ liệu đầu vào của máy bơm, các tùy chọn rửa tạm thời và rửa theo thời gian.
Giá phun	Truy cập vào các dữ liệu đầu vào và dữ liệu đầu ra của giàn.
Chạy Động cơ	Truy cập dữ liệu đầu vào và đầu ra của động cơ chạy.
Lỗi	Hiển thị các lỗi gần đây nhất của máy. Tham khảo <i>Hướng dẫn Sử dụng Dịch vụ</i> hoặc liên hệ với nhà phân phối Toro được ủy quyền của bạn để biết thêm thông tin.

Giới thiệu

Mục trong Menu	Mô tả
Kiểu model	Liệt kê mã số kiểu model của máy.
SN	Liệt kê số sê-ri của máy.
Bản sửa đổi S/W	Liệt kê bản sửa đổi phần mềm của bộ điều khiển chính.
XDM-4400 	Liệt kê bản sửa đổi phần mềm của InfoCenter.
Số liệu thống kê CAN 	Liệt kê Bus CAN

Menu được Bảo vệ

Có các cài đặt cấu hình hoạt động có thể điều chỉnh trong **Cài đặt** của màn hình. Để khóa những cài đặt này, hãy sử dụng **Trình đơn được Bảo vệ**.

Lưu ý: Tại thời điểm cung cấp, mã mật khẩu ban đầu được lập trình bởi nhà phân phối của bạn.

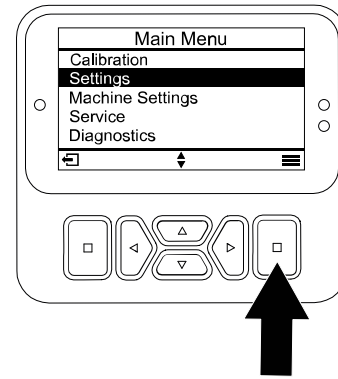
Truy cập Menu được Bảo vệ

Lưu ý: Mã PIN mặc định của nhà máy cho máy của bạn là 0000 hoặc 1234.

Nếu bạn đã thay đổi mã PIN và quên mã, vui lòng liên hệ với nhà phân phối Toro được ủy quyền của bạn để được hỗ trợ.

Truy cập Menu được Bảo vệ (tiếp tục)

1. Từ **Menu Chính**, cuộn xuống đến **Cài đặt** và nhấn nút chọn.

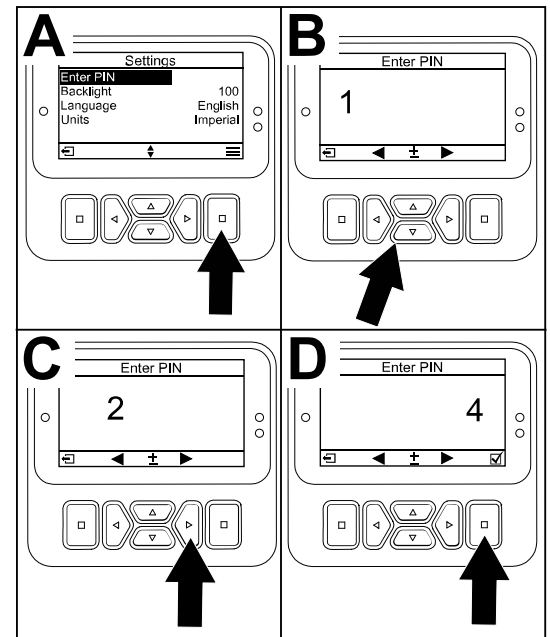


G510565

2. Trong **Cài đặt**, cuộn đến **Nhập mã PIN** và nhấn nút chọn (A).
3. Để nhập mã PIN, hãy nhấn các nút điều hướng lên/xuống (B) cho đến khi chữ số đầu tiên chính xác xuất hiện, sau đó nhấn nút điều hướng bên phải (C) để chuyển sang chữ số tiếp theo. Lặp lại bước này cho đến khi nhập chữ số cuối cùng.
4. Nhấn nút chọn (D).

Lưu ý: Nếu màn hình chấp nhận mã PIN và menu được bảo vệ được mở khóa, từ "PIN?" sẽ hiển thị ở góc trên bên phải của màn hình.

5. Để khóa menu được bảo vệ, xoay công tắc chìa khóa đến vị trí TẮT rồi đến vị trí BẬT.



G510564

Xem và Thay đổi Cài đặt Trình đơn được Bảo vệ

1. Trong **Cài đặt**, cuộn xuống đến **Bảo vệ Cài đặt**.
2. Để xem và thay đổi cài đặt mà không cần nhập mã PIN, hãy sử dụng nút chọn để thay đổi **Bảo vệ Cài đặt** đến ☐ (Tắt).
3. Để xem và thay đổi cài đặt có mã PIN, hãy sử dụng nút chọn để thay đổi **Bảo vệ Cài đặt** đến ☒ (Bật), đặt mã PIN và xoay chìa khóa trong công tắc khóa điện đến vị trí TẮT rồi đến vị trí BẬT.

Cài đặt Cảnh báo Bình Phun tưới

1. Chọn **Cài đặt máy**.
2. Chọn **Bình**.

3. Chọn **Giới hạn bình**.
4. Sử dụng các nút định hướng để nhập số lượng tối thiểu trong bình khi cảnh báo hiển thị trong quá trình vận hành máy phun tưới.

Cài đặt Kích thước giàn

1. Chọn **Cài đặt máy**.
2. Chọn **Giàn**.
3. Chọn giàn bạn muốn cập nhật.
4. Sử dụng các nút định hướng để thay đổi kích thước giàn tính theo gia số 1 inch (2,5 cm).

Đặt lại Cài đặt Mặc định

1. Chọn **Cài đặt máy**.
2. Chọn **Đặt lại mặc định**.

Nhập dung tích Bình Phun tưới

Lưu ý: Việc thay đổi thể tích sẽ đặt lại cảnh báo bình.

1. Chọn **Cài đặt máy**.
2. Chọn **Bình**.
3. Chọn **Thể tích**.
4. Nhấn nút để tăng hoặc giảm thể tích bình.
 - A. Nhấn các nút điều hướng lên/xuống ⁽²⁾ để nhảy đến ± 10 (đối với đơn vị Hoa Kỳ) hoặc ± 25 (đối với đơn vị hệ mét).
 - B. Nhấn các nút điều hướng bên trái/phải ⁽¹⁾ để thay đổi thể tích thêm 1 gia số.

Cài đặt Giá trị khuấy trộn cài đặt trước

Chỉ dành cho Chế độ tỷ lệ ứng dụng

Lưu ý: Cài đặt khuấy trộn đặt trước được sử dụng để đặt tốc độ bơm của máy phun tưới khi máy phun tưới được vận hành ở Chế độ Tỷ lệ Ứng dụng với tất cả các phần của máy phun tưới đều tắt. Cài đặt khuấy trộn đặt trước điều khiển tỷ lệ phần trăm tốc độ bơm của máy phun tưới. Cài đặt khuấy trộn đặt trước mặc định là 40%.

1. Xác định áp suất phun mục tiêu mà bạn dự định phun.

Ví dụ: 2,76 bar (40 psi). Ghi lại áp suất hiển thị trên áp kế máy phun tưới gắn trên bảng điều khiển ở bên dưới.

Áp suất
máy phun
tưới:

2. Tính toán áp suất đặt trước cho khuấy trộn ban đầu bằng công thức dưới đây.

Áp suất vận hành máy phun tưới x 1,5 đến 2,0 = áp suất đặt trước cho khuấy trộn ban đầu.

Ví dụ: áp suất phun mục tiêu 2,76 bar (40 psi) x 1,5 = áp suất đặt trước cho khuấy trộn ban đầu 4,1 (60 psi)

Ví dụ: áp suất phun mục tiêu 2,76 bar (40 psi) x 2,0 = áp suất đặt trước cho khuấy trộn ban đầu 5,5 bar (80 psi)

Ghi lại phép tính của bạn ở đây:

3. Với công tắc phân chính ở vị trí TẮT và van tiết lưu động cơ được đặt ở tốc độ động cơ mà bạn dự định chạy máy, hãy điều chỉnh giá trị khuấy trộn đặt trước cho đến khi áp suất hệ thống máy phun tưới nằm trong khoảng từ 1,5 đến 2,0 lần áp suất hệ thống máy phun tưới mục tiêu đã xác định.

Ví dụ: nếu bạn đang phun tưới ở áp suất 2,76 bar (40 psi), ban đầu hãy đặt Khuấy trộn Đặt trước để đạt được áp suất hệ thống từ 4,1 đến 5,5 bar (60 đến 80 psi).

Lưu ý: Nếu hóa chất trong bình phun tưới đang tạo bọt, hãy hạ thấp giá trị khuấy trộn đặt trước, nếu cần, để giảm áp suất hệ thống khi đang vận hành khuấy trộn bình.

4. Điều hướng đến và chọn tùy chọn **Khuấy trộn**.
5. Trong khi xem áp kế máy phun tưới gắn trên bảng điều khiển, hãy nhấn các nút để tăng hoặc giảm giá trị đặt trước cho đến khi áp suất máy phun tưới ở mức áp suất đặt trước cho khuấy trộn ban đầu đã tính ở trên.

Lưu ý: Không vượt quá 586 kPa (85 psi) áp suất hệ thống máy phun tưới khi điều chỉnh giá trị khuấy trộn đặt trước.

Lưu ý: Bạn có thể đặt giá trị khuấy trộn đặt trước cao hơn nếu khuấy trộn không làm cho hóa chất trong bình tạo bọt. Bạn có thể cần giảm giá trị khuấy trộn nếu khuấy trộn làm cho hóa chất trong bình tạo bọt.

6. Lưu cài đặt, thoát khỏi màn hình **Bình** và quay lại màn hình **Cài đặt**.

Màn hình tổng diện tích và diện tích phụ

Những màn hình này hiển thị:

- Diện tích được phun tưới (mẫu Anh, hecta, hoặc 1000 ft²)
- Thể tích được phun tưới (gallon Mỹ hoặc lít)

Thông tin về diện tích và thể tích được tích lũy cho đến khi bạn đặt lại.

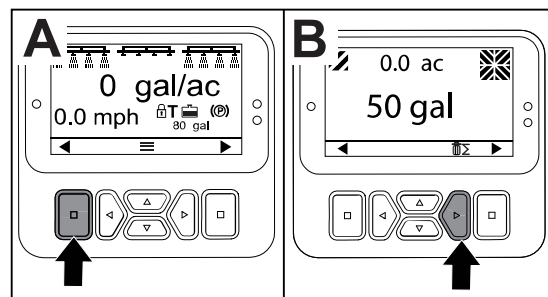
Sử dụng một diện tích phụ riêng cho mỗi nhiệm vụ phun tưới tại địa điểm của bạn. Bạn có thể sử dụng tối đa 20 diện tích phụ.

Lưu ý: Đảm bảo bạn điều hướng đến diện tích phụ mà bạn đang làm việc trước khi bắt đầu phun tưới. Diện tích phụ hiển thị trên màn hình là diện tích phụ đang hoạt động để tích lũy phạm vi bao phủ.

Đặt lại dữ liệu tổng diện tích và thể tích

1. Nhấn nút QUAY LẠI để điều hướng đến màn hình Tổng diện tích.
2. Nhấn nút BÊN PHẢI để đặt lại dữ liệu Tổng diện tích.

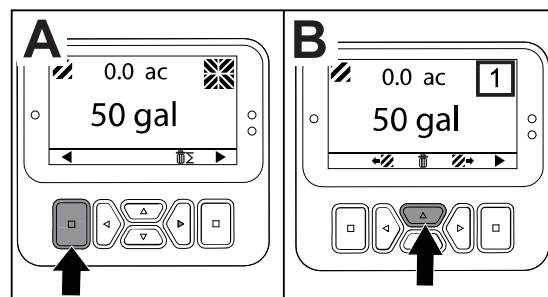
Lưu ý: Đặt lại thông tin tổng diện tích và tổng thể tích tại màn hình tổng diện tích sẽ đặt lại **tất cả** dữ liệu cho từng diện tích phụ.



G511618

Đặt lại dữ liệu diện tích và thể tích phụ

1. Nhấn nút QUAY LẠI để điều hướng đến màn hình Diện tích phụ.
2. Nhấn nút LÊN để đặt lại dữ liệu diện tích phụ.



G511619

Hiệu chuẩn Máy phun tưới

Chế độ Tỷ lệ Ứng dụng

Lưu ý: Để hiệu chuẩn máy phun tưới cho hoạt động ở chế độ thủ công, hãy tham khảo van rẽ nhánh phân đoạn trong *Hướng dẫn Vận hành* máy.

1. Đảm bảo bình phun tưới sạch sẽ; tham khảo Làm sạch Hệ thống Máy phun trong *Hướng dẫn Vận hành*.
2. Điều hướng đến menu Hiệu chuẩn.

Lưu ý: Màn hình này hiển thị và cho phép bạn hiệu chuẩn dữ liệu đầu vào đồng hồ đo lưu lượng, hiệu chuẩn dữ liệu đầu vào cảm biến tốc độ, thực hiện kiểm tra tốc độ và nhập dữ liệu tính toán theo cách thủ công.

Hiệu chuẩn lưu lượng

Thiết bị do khách hàng cung cấp: Sử dụng bình hứng có chia vạch cho tốc độ dòng chảy mất phun như sau:

- 1,5 Lpm (0,4 gpm) trở xuống - nên ưu tiên sử dụng bình chứa có chia vạch theo gia số 10 ml (1/2 oz).
- 1,9 Lpm (0,5 gpm) trở lên - bình chứa có chia vạch theo gia số 20 ml (1 oz).

QUAN TRỌNG

Bạn phải thực hiện hiệu chuẩn dòng chảy cho 3 phân đoạn máy phun tưới mỗi khi bạn thay tất cả các mắt phun, chuyển sang vị trí phun (xuống) đang hoạt động hoặc sau khi thay đồng hồ đo lưu lượng. Bạn nên thực hiện hiệu chuẩn dòng chảy cho 3 phân đoạn máy phun tưới nếu bạn thay một số mắt phun bị mòn.

Lưu ý: Việc thực hiện kết quả kiểm tra húng không chính xác dẫn đến hiệu chuẩn dòng chảy không chính xác. Kết quả của những điểm không chính xác này khiến hệ thống máy phun tưới sử dụng quá nhiều hoặc quá ít hóa chất của máy phun.

Thực hiện hiệu chuẩn lưu lượng bằng bình có chia vạch phù hợp.

Đánh giá Loại hiệu chuẩn dòng chảy

Sử dụng Bảng Phân đoạn Máy phun để giúp xác định cách bạn thường phun cỏ bằng máy và cần thực hiện hiệu chuẩn dòng chảy nào.

Lưu ý: Bạn có thể thực hiện kết hợp tối đa 3 loại hiệu chuẩn dòng chảy.

Bảng Phân đoạn Máy phun

	Thực hiện hiệu chuẩn 3 giàn	
3 phân đoạn máy phun	Có	
Tôi cũng phun bằng 2 phân đoạn máy phun:	Thực hiện Hiệu chuẩn 2 Giàn	
Phân đoạn Trái và Trung tâm (HOẶC)	Có	Không
Phân đoạn Phải và Trung tâm (HOẶC)	Có	Không
Phân đoạn Phải và Trái	Có	Không
Tôi cũng phun bằng 1 phân đoạn máy phun:	Thực hiện Hiệu chuẩn 1 Giàn	
Chỉ cho phân đoạn máy phun bên trái (HOẶC)	Có	Không
Chỉ cho phân đoạn máy phun trung tâm (HOẶC)	Có	Không
Chỉ cho phân đoạn máy phun bên phải	Có	Không

Hiệu chuẩn 3 giàn: Luôn thực hiện hiệu chuẩn cho 3 phân đoạn máy phun khi bạn thay mắt phun để tăng hoặc giảm phạm vi tỷ lệ ứng dụng.

Lưu ý: Nếu bạn không thực hiện hiệu chuẩn 2 giàn hoặc 1 giàn tùy chọn, máy phun sẽ sử dụng các phép tính từ hiệu chuẩn 3 giàn trong tất cả các kết hợp phân đoạn của máy phun.

Hiệu chuẩn 2 giàn tùy chọn: Hiệu chuẩn phân đoạn bên trái và trung tâm của máy phun hoặc phân đoạn bên phải và trung tâm của máy phun hoặc phân đoạn bên trái và bên phải nếu bạn thường phun bằng các kết hợp phân đoạn đó. Thực hiện hiệu chuẩn tùy chọn này sau khi thực hiện hiệu chuẩn 3 phân đoạn máy phun.

Lưu ý: Hiệu chuẩn mà bạn thực hiện cho hai phân đoạn máy phun được sử dụng bất cứ khi nào bạn phun bằng bất kỳ kết hợp 2 phân đoạn máy phun.

Lưu ý: Bạn chỉ có thể hiệu chuẩn 1 cặp phân đoạn máy phun để hiệu chuẩn 2 giàn. Hiệu chuẩn từ cặp phân đoạn máy phun mà bạn sử dụng nhiều nhất. Hệ thống máy phun sử dụng phép tính 2 giàn khi bạn phun kết hợp phân đoạn bên trái và trung tâm hoặc bên phải và trung tâm.

Hiệu chuẩn 1 giàn tùy chọn: Hiệu chuẩn phân đoạn máy phun bên trái hoặc trung tâm hoặc bên phải nếu bạn thường phun bằng 1 phân đoạn máy phun. Thực hiện hiệu chuẩn tùy chọn này sau khi thực hiện hiệu chuẩn 3 phân đoạn máy phun và hiệu chuẩn 2 phân đoạn máy phun.

Lưu ý: Bạn chỉ có thể hiệu chuẩn 1 trong 3 phân đoạn máy phun đối với hiệu chuẩn 1 giàn. Hiệu chuẩn từ phân đoạn máy phun mà bạn sử dụng nhiều nhất. Hệ thống máy phun sử dụng hiệu chuẩn 1 giàn khi bạn phun bằng phân đoạn bên trái, trung tâm hoặc bên phải.

Đánh giá loại hiệu chuẩn nào cần thực hiện dựa trên mô hình phun tưới của bạn.

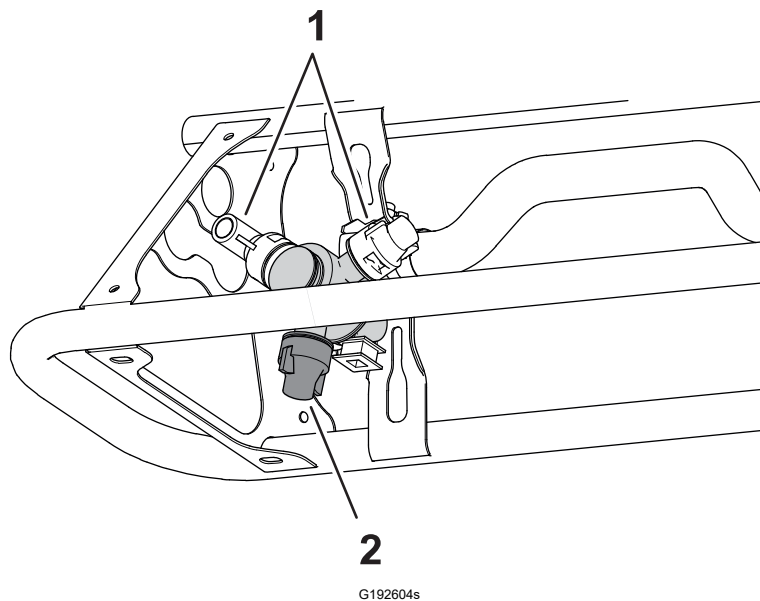
Chuẩn bị Kiểm tra Dòng chảy

1. Đảm bảo các mắt phun mà bạn định sử dụng ở vị trí phun tưới (xuống) đang hoạt động.

QUAN TRỌNG

Tất cả các mắt phun ở vị trí đang hoạt động phải có cùng màu sắc.

Lưu ý: Để đạt được kết quả tốt nhất, các mắt phun ở vị trí đang hoạt động phải bị mài mòn xấp xỉ như nhau.



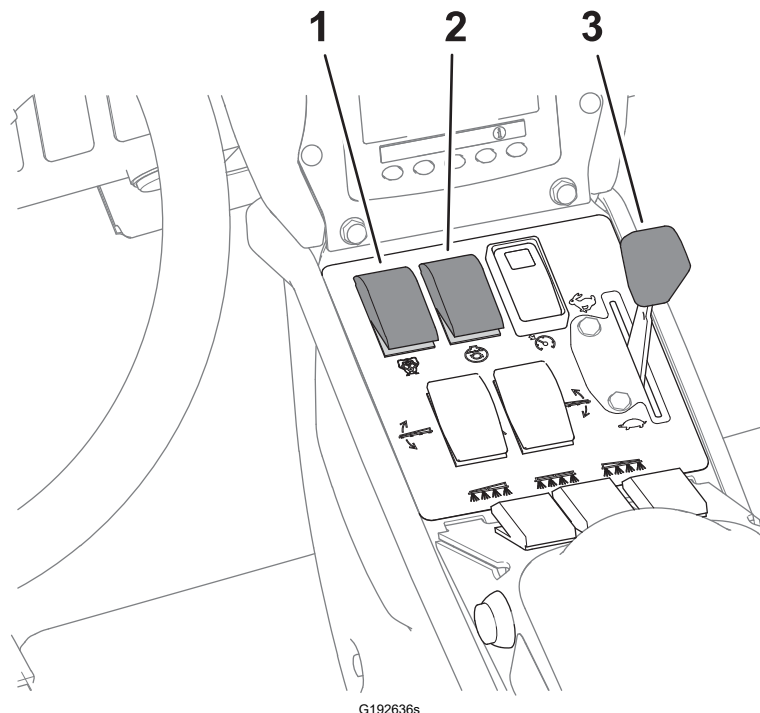
① Vị trí mắt phun dự trữ

② Vị trí phun đang hoạt động

2. Điều hướng đến tùy chọn **dòng chảy**.
3. Chọn tùy chọn **Hiệu chuẩn dòng chảy**.
4. Đổ đầy một nửa bình phun tưới—600 L hoặc 150 US gal nước.

Lưu ý: Bạn có thể hủy hiệu chuẩn dòng chảy. Thông báo hiển thị xác nhận bạn đã hủy hiệu chuẩn dòng chảy.

5. Bật phanh đỗ.
6. Khởi động động cơ và hạ các phân đoạn bên ngoài.
7. Đặt công tắc máy bơm đến vị trí **BẬT**.



① Công tắc bơm phun tưới

② Công tắc khuấy trộn

8. Di chuyển van tiết lưu đến vị trí NHANH và để động cơ chạy trong 10 phút.

QUAN TRỌNG

Bạn phải đưa hệ thống thủy lực về nhiệt độ vận hành trước khi tiến hành các bước hiệu chuẩn dòng chảy còn lại.

Chuẩn bị Kiểm tra Hứng

1. Chuyển sang bước tiếp theo.
2. Chọn các mắt phun được lắp đặt tại vị trí phun đang hoạt động.
 - Đối với máy có màu sắc mắt phun phù hợp với tỷ lệ lưu lượng được mô tả, hãy chọn màu sắc mắt phun được lắp ở vị trí phun đang hoạt động.
 - Đối với máy có màu mắt phun *không trùng với* lưu lượng được mô tả, hãy chọn lưu lượng (gpm hoặc lpm) của các mắt phun được lắp đặt tại vị trí phun đang hoạt động.
3. Chuyển sang bước tiếp theo.
4. Đặt công tắc chế độ máy phun sang vị trí thủ công.
5. Xoay núm của van ngắt rẽ nhánh từng phân đoạn sang vị trí đóng.
6. Đặt công tắc khuấy trộn ở vị trí TẮT và đặt van tiết lưu ở vị trí NHANH.
7. Chuyển sang bước tiếp theo.

Chuẩn bị (các) Phân đoạn Máy phun cho Kiểm tra Hứng

1. Đặt công tắc phân đoạn máy phun như sau:

Lưu ý: Tham khảo Chuẩn bị kiểm tra dòng chảy.

- Chọn công tắc phân đoạn bên trái, trung tâm và bên phải để **hiệu chuẩn 3 phân đoạn máy phun**.

QUAN TRỌNG

Bạn phải thực hiện hiệu chuẩn này.

- Chọn công tắc 2 phân đoạn máy phun cho các phân đoạn máy phun mà bạn đã xác định trước đó để hiệu chuẩn 2 phân đoạn máy phun.

Lưu ý: Thực hiện hiệu chuẩn tùy chọn này sau khi thực hiện hiệu chuẩn 3 phân đoạn máy phun.

- Chọn công tắc phân đoạn bên trái hoặc trung tâm hoặc bên phải của phân đoạn máy phun mà bạn đã xác định trước đó để hiệu chuẩn 1 phân đoạn máy phun

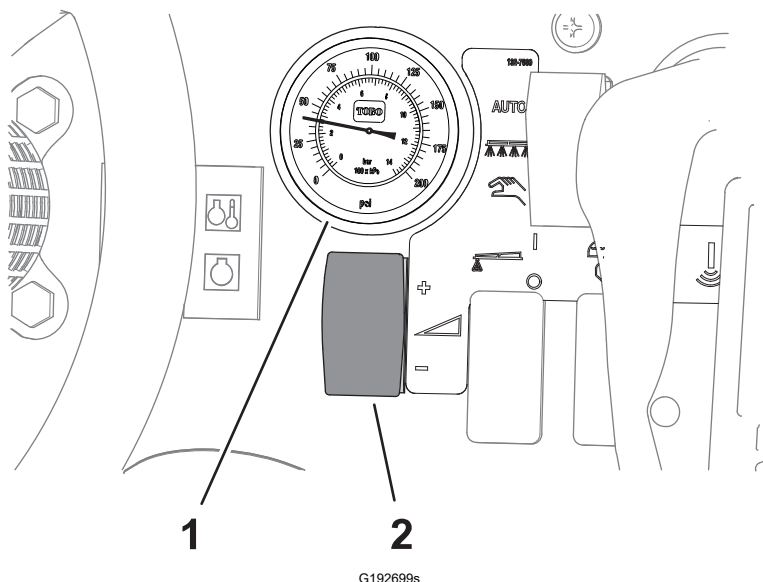
Lưu ý: Thực hiện hiệu chuẩn tùy chọn này sau khi thực hiện hiệu chuẩn 3 phân đoạn máy phun và hiệu chuẩn 2 phân đoạn máy phun.

2. Chuyển sang bước tiếp theo.
3. Tại màn hình Lặp lại Kiểm tra Tiếp theo, nhấn nút để bắt đầu kiểm tra hững của phân đoạn máy phun.

Thực hiện Kiểm tra Hững của pPhân đoạn Máy phun

Lưu ý: Chuẩn bị bình hững có chia vạch.

1. Đặt công tắc phân đoạn chính sang vị trí BẬT.
2. Sử dụng công tắc tỷ lệ ứng dụng để điều chỉnh áp suất của hệ thống phun tưới đến khoảng 276 kPa (40 psi).



① Áp suất kế (hệ thống máy phun)

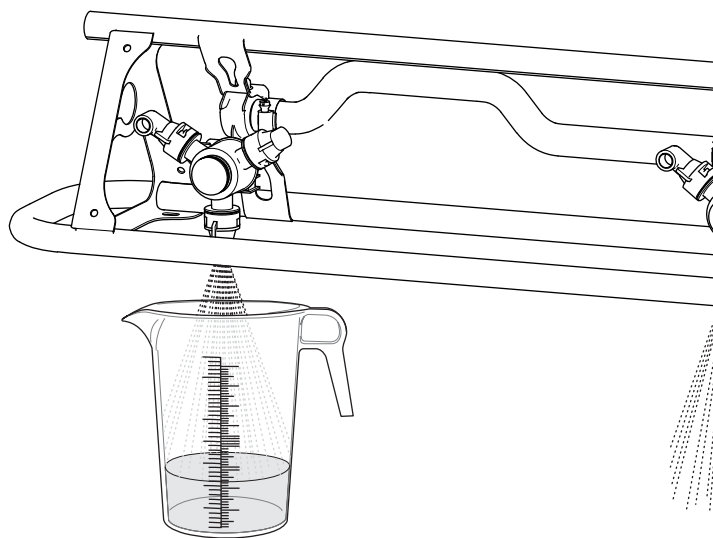
② Công tắc tỷ lệ ứng dụng

3. Đặt công tắc phân đoạn chính đến vị trí TẮT.
4. Tại màn hình phát lại kiểm tra hững, hãy xác nhận số lượng giàn, màu sắc mắt phun, và nhấn nút 3 để bắt đầu kiểm tra hững.

Lưu ý: Bạn có 14 giây để di chuyển ra phía sau máy và đặt bình hững có chia vạch dưới mắt phun trong thời gian kiểm tra hững.

Lưu ý: Hệ thống máy phun tự động mở van phân đoạn, mắt phun trong giai đoạn kiểm tra hững, và hệ thống máy phun tự động tắt van phân đoạn.

5. Hững nước từ mắt phun cho đến khi dòng chảy của máy phun tắt.



G193177

6. Đặt bình có chia vạch ở trên bề mặt bằng phẳng và ghi lại thể tích chất lỏng.

QUAN TRỌNG

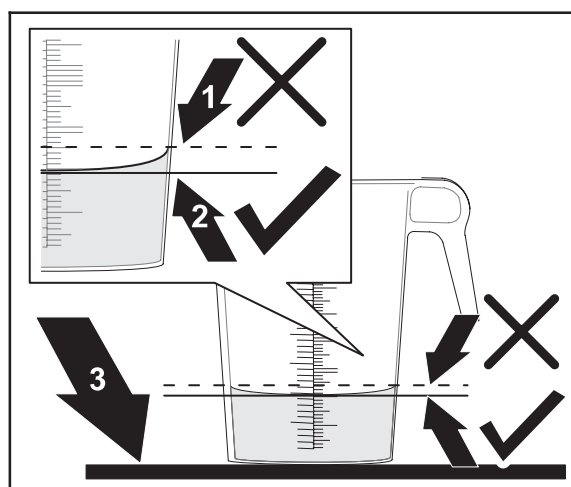
Khi bạn đang đọc bình có chia vạch, bạn phải đặt bình ở trên bề mặt bằng phẳng.

QUAN TRỌNG

Khi bạn đang đọc bình có chia vạch, hãy đọc thể tích chất lỏng trong bình có chia vạch tại điểm thấp nhất của đường cong bề mặt chất lỏng.

QUAN TRỌNG

Các lỗi nhỏ hiển thị thể tích chất lỏng trong bình có chia vạch ảnh hưởng đáng kể đến độ chính xác khi hiệu chuẩn máy phun.



G193416s

① Điểm cao nhất của đường cong bề mặt chất lỏng (không đo ở đây)

② Điểm thấp nhất của đường cong bề mặt chất lỏng (đo ở đây)

7. So sánh thể tích chất lỏng trong bình hứng có chia vạch với Thể tích Mục tiêu được hiển thị trên màn hình hiển thị.
Lưu ý: Bạn cần thể tích chất lỏng trong bình hứng có chia vạch $\pm 7,4$ ml (1/4 fl oz) Thể tích Mục tiêu được hiển thị trên màn hình hiển thị.
8. Nếu mức chất lỏng trong bình hứng có chia vạch cao hơn 7,4 ml (1/4 fl oz) so với thể tích mục tiêu hoặc ít hơn 7,4 ml (1/4 fl oz) so với thể tích mục tiêu, hãy thực hiện một trong các bước sau:
 - Nếu thể tích chất lỏng trong bình hứng có chia vạch là $\pm 7,4$ ml (1/4 fl oz) Thể tích Mục tiêu được hiển thị trên màn hình hiển thị, hãy chuyển sang bước tiếp theo.
 - Nếu thể tích quá thấp, hãy sử dụng công tắc tỷ lệ ứng dụng để tăng áp suất hệ thống máy phun và chuyển sang bước tiếp theo.
 - Nếu thể tích quá cao, hãy sử dụng công tắc tỷ lệ ứng dụng để giảm áp suất hệ thống máy phun và chuyển sang bước tiếp theo.
9. Lặp lại các bước đến cho đến khi thể tích chất lỏng trong bình chứa hứng có chia vạch $\pm 7,4$ ml (1/4 fl oz) Thể tích Mục tiêu được hiển thị trên màn hình hiển thị.

Thực hiện Phép tính Hiệu chuẩn

1. Đặt công tắc phân đoạn chính sang vị trí BẬT.
2. Nhấn nút để bắt đầu tính toán hiệu chuẩn.

Lưu ý: Màn hình hiển thị hiệu chuẩn trong màn hình quy trình.

Lưu ý: Các phân đoạn máy phun sẽ phun hết trong 3 phút khi máy đang tính toán chỉnh sửa hiệu chuẩn.

3. Khi quá trình hiệu chuẩn kết thúc, một trong các thông báo sau sẽ được hiển thị:
 - Thông báo hiển thị xác nhận hiệu chuẩn dòng chảy đã thành công.
 - Thông báo hiển thị cho biết hiệu chuẩn dòng chảy đã thất bại.

Nếu giá trị hiệu chuẩn nằm ngoài giới hạn, hãy liên hệ với đại lý dịch vụ được ủy quyền của bạn; nếu không, hãy xem lại thông báo lỗi và lặp lại các bước hiệu chuẩn.
4. Di chuyển van tiết lưu đến vị trí CHẠY RỒI, tắt động cơ và rút chìa khóa điện.

Thực hiện Hiệu chuẩn 2 Phân đoạn Máy phun

Nếu bạn đã hoàn thành hiệu chuẩn 3 phân đoạn máy phun, màn hình sẽ nhắc bạn hiệu chuẩn 2 phân đoạn máy phun.

1. Nếu bạn không cần thực hiện hiệu chuẩn 2 phân đoạn máy phun, hãy quay lại màn hình Hiệu chuẩn.
2. Nếu bạn cần hiệu chuẩn, hãy chuẩn bị máy phun để kiểm tra hứng.

Lưu ý: Bạn sẽ chỉ đặt các công tắc phân đoạn máy phun sang vị trí BẬT mà bạn đã xác định trước đó.

Thực hiện Hiệu chuẩn 1 Phân đoạn Máy phun

Nếu bạn đã hoàn thành hiệu chuẩn 3 phân đoạn máy phun và 2 phân đoạn máy phun, màn hình sẽ nhắc bạn hiệu chuẩn 1 phân đoạn máy phun.

1. Nếu bạn không cần thực hiện hiệu chuẩn 1 phân đoạn máy phun, hãy quay lại màn hình Hiệu chuẩn.
2. Nếu bạn cần hiệu chuẩn, hãy chuẩn bị máy phun để kiểm tra húng.

Lưu ý: Bạn sẽ chỉ đặt các công tắc phân đoạn máy phun sang vị trí BẬT mà bạn đã xác định trước đó.

Hiệu chuẩn Tốc độ

Chuẩn bị Hiệu chuẩn Tốc độ

1. Đổ đầy một nửa bình phun tưới—600 L hoặc 150 US gal nước.
2. Đánh dấu vạch bắt đầu trên khu vực sân cỏ kiểm tra.
3. Sử dụng bánh xe đo, đánh dấu khoảng cách từ 45 đến 152 m (150 đến 500 ft); ghi lại khoảng cách mà bạn đã đo ở bên dưới.

Lưu ý: Khoảng cách kiểm tra từ 92 đến 152 m (300 đến 500 ft) tạo ra kết quả hiệu chuẩn tốt hơn.

Khoảng
cách:

4. Đánh dấu vạch kết thúc trên khu vực sân cỏ kiểm tra.
5. Sử dụng các nút trên màn hình để thay đổi giá trị khoảng cách đã nhập.

Thực hiện Hiệu chuẩn Tốc độ

1. Di chuyển máy để căn chỉnh lớp trước trên vạch bắt đầu.
2. Tại bảng điều khiển trung tâm của máy, đảm bảo các công tắc cho 3 van phân đoạn ở vị trí TẮT.
3. Nhấn nút trên màn hình để bắt đầu và lái đến vạch kết thúc.

Giá trị khoảng cách đã đo sẽ tăng lên.

4. Nhấn nút dưới dây **Xong** khi lớp trước của máy ở trên vạch kết thúc.

Lưu ý: Nếu giá trị khoảng cách đã đo và giá trị khoảng cách đã nhập không khớp, máy tính của hệ thống máy phun sẽ tự động chỉnh sửa giá trị khoảng cách đã đo.

5. Khi quá trình hiệu chuẩn kết thúc, một trong các thông báo sau sẽ được hiển thị:

- Thông báo hiển thị xác nhận hiệu chuẩn dòng chảy đã thành công.
- Thông báo hiển thị cho biết hiệu chuẩn dòng chảy đã thất bại.

Nếu giá trị hiệu chuẩn nằm ngoài giới hạn, hãy liên hệ với đại lý dịch vụ được ủy quyền của bạn; nếu không, hãy xem lại thông báo lỗi và lặp lại các bước hiệu chuẩn.

6. Di chuyển van tiết lưu đến vị trí CHẠM, tắt động cơ và rút chìa khóa điện.

Xử lý sự cố

Tư vấn

Trên màn hình InfoCenter sẽ tự động hiển thị các tư vấn cho người vận hành khi một chức năng của máy yêu cầu phải có hành động bổ sung. Ví dụ: nếu bạn cố gắng khởi động động cơ trong khi nhấn bàn đạp kéo, thì sẽ hiển thị thông tin tư vấn, cho biết bàn đạp kéo phải ở vị trí SƠ MƠ.

Nhấn bất kỳ nút nào trên màn hình để xóa tư vấn.

160	Chặn khởi động – Công tắc máy bơm đang hoạt động
160	Chặn khởi động – Không ở SƠ MƠ
160	Chặn khởi động – Chưa ngồi vào ghế
160	Chặn khởi động – Thời gian chờ bật bộ khởi động
160	Ngăn khởi động—Bơm rửa đã BẬT
161	Dừng động cơ—Ra khỏi ghế
161	Dừng động cơ—Phanh đỗ được bật
162	Chặn Khởi động Bơm – Giá phun đang hoạt động
162	Chặn khởi động bơm—Người vận hành không ngồi vào ghế hoặc phanh đỗ được bật
162	Chặn khởi động bơm—Dừng quay động cơ
162	Chặn khởi động bơm—Người vận hành không ngồi vào ghế
164	Trạng thái bình—Cảnh báo thể tích thấp của bình
164	Trạng thái bình—Bơm rửa đã bật
165	Trạng thái thông số—Giá trị thông số không hợp lệ
165	Trạng thái thông số—Giá trị phạm vi thông số không hợp lệ
168	Giàn đã tắt—Tốc độ quá thấp

Mã lỗi dịch vụ

Danh sách dưới đây xác định các mã lỗi do Bộ điều khiển Điện tử (TEC) tạo ra để xác định sự cố hệ thống điện xảy ra trong quá trình vận hành máy.

Nếu bạn thấy các lỗi được liệt kê trong trình xem, hãy liên hệ với Đại lý Dịch vụ được Ủy quyền của bạn.

Mã	Mô tả
1	TEC bị lỗi
2	Một hoặc nhiều cầu chì đầu ra TEC (7,5 A) bị lỗi
3	Rơ le nguồn chính hoặc hệ thống dây mạch bị lỗi
4	Hệ thống sạc hoặc hệ thống dây mạch bị lỗi
14	TEC không nhận diện được phần mềm InfoCenter
17	Thời gian chờ bộ khởi động (bộ khởi động đã được gài trong hơn 30 giây)
18	Bàn đạp kéo không khớp với tốc độ trên mặt đất.
19	Không có tín hiệu từ máy đo tỷ lệ lưu lượng

